

Số: 678 /QĐ-HVQLGD

Hà Nội, ngày 17 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận thí sinh trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh
đào tạo trình độ Thạc sĩ đợt 1 năm 2025

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN QUẢN LÝ GIÁO DỤC

Căn cứ Quyết định số 501/QĐ-TTg ngày 03/4/2006 của Thủ tướng Chính Phủ về việc thành lập Học viện Quản lý giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 12/QĐ-HVQLGD ngày 30/12/2020 của Học viện Quản lý giáo dục về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 616/QĐ-HVQLGD ngày 23 tháng 06 năm 2022 của Giám đốc Học viện Quản lý Giáo dục về việc Ban hành Quy định đào tạo trình độ Thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định 519/QĐ-HVQLGD ngày 05 tháng 06 năm 2025 của Giám đốc Học viện QLGD về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2025;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh ngày 17 tháng 07 năm 2025 về xét điểm trúng tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 677/QĐ-HVQLGD ngày 17 tháng 07 năm 2025 về việc phê duyệt điểm trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2025;

Xét đề nghị của Trưởng phòng QLĐT-GDCT&CTSV,

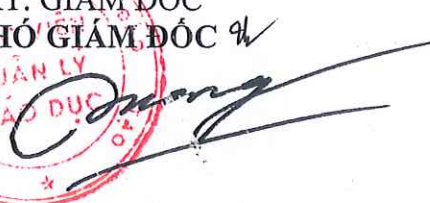
QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận 45 thí sinh trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2025 của Học viện Quản lý giáo dục ngành Quản lý giáo dục. (Danh sách thí sinh trúng tuyển kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Các Ông (Bà) Trưởng phòng TCHC, Trưởng phòng QLĐT-GDCT&CTSV, Trưởng các đơn vị liên quan, và các Ông (Bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Vụ Giáo dục ĐH, Bộ GD & ĐT (để báo cáo);
- Như điều 2;
- Lưu TCHC, P. QLĐT-GDCT&CTSV.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC 
QUẢN LÝ
GIÁO DỤC

TS. Phan Hồng Dương

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN SINH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NGÀNH QUẢN LÝ GIÁO DỤC ĐỢT 1 NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 678/QĐ-HVQLGD ngày 17 tháng 07 năm 2025)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Kết quả thi môn		Điểm tổng hợp 2 môn (đã gồm điểm ưu tiên)	Môn Tiếng Anh(đã gồm điểm ưu tiên)	Ghi chú
			Giáo dục học	Khoa học quản lý			
1	Nguyễn Kiều Anh	30/4/1998	8.0	7.25	15.25	30.0	
2	Nguyễn Ngọc Anh	08/11/1997	8.0	5.75	13.75	29.5	
3	Phạm Thị Lan Anh	06/9/2000	8.0	6.25	14.25	29.0	
4	Trần Thị Vân Anh	17/7/1987	7.5	7.00	14.50	28.5	
5	Trần Thị Ngọc Bích	02/12/1977	7.5	6.25	13.75		Miễn TA
6	Trần Thị Thái Hà	16/9/1985	7.0	7.25	14.25	30.0	
7	Vũ Thị Hải	04/4/1981	6.5	6.25	12.75	27.0	
8	Nguyễn Thị Hạnh	04/10/1980	7.5	7.00	14.50	29.0	
9	Trần Thị Hằng	19/10/1983	6.5	7.00	13.50	30.0	
10	Ngô Thị Thu Hiền	14/11/1982	7.5	6.50	14.00	29.0	
11	Lê Minh Hòa	29/9/1996	7.0	6.25	13.25	29.5	
12	Đặng Thị Thanh Huyền	23/3/1984	7.5	8.25	15.75		Miễn TA
13	Ngô Thị Huyền	20/6/1989	7.0	6.25	13.25	29.0	
14	Nguyễn Khánh Huyền	06/5/1999	6.5	6.00	12.50	29.0	
15	Nguyễn Thu Huyền	02/02/1983	8.0	6.50	14.50	29.0	
16	Nguyễn Thị Hường	10/7/1986	8.0	5.75	13.75	28.0	
17	Tổng Thị Lan	23/7/1979	8.5	7.00	15.50	27.0	
18	Vũ Thị Thùy Liên	11/8/1981	7.5	7.00	14.50	28.0	
19	Ngô Ngọc Linh	03/9/1994	8.5	7.00	15.50	29.0	

QUẢN LÝ GIÁO DỤC

94

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Kết quả thi môn		Điểm tổng hợp 2 môn (đã gồm điểm ưu tiên)	Môn Tiếng Anh (đã gồm điểm ưu tiên)	Ghi chú
			Giáo dục học	Khoa học quản lý			
20	Nguyễn Phương Linh	01/11/1999	7.5	6.50	14.00	31.0	
21	Nguyễn Thị Loan	14/7/1986	7.5	6.50	14.00	27.5	
22	Nguyễn Tất Lượng	31/7/1977	7.0	6.50	13.50	29.5	
23	Nguyễn Phương Nga	20/8/1997	7.5	6.25	13.75	32.0	
24	Nguyễn Thị Ngà	23/3/1984	8.0	6.50	14.50	28.5	
25	Nguyễn Thị Ngân	11/6/1981	7.0	5.75	12.75	27.0	
26	Bạch Hồng Ngọc	10/02/1998	7.0	6.25	13.25	28.5	
27	Giang Thị Thanh Nhân	11/12/1980	8.0	7.50	15.50	26.5	
28	Nguyễn Minh Nhật	19/11/1996	8.0	5.00	13.00		Miễn TA
29	Nguyễn Thị Nhung	12/4/1993	8.0	6.00	14.00	27.5	
30	Phan Thị Kim Oanh	14/3/2001	7.5	7.25	14.75	29.0	
31	Triệu Phan Phương	06/12/1984	8.0	7.00	15.00	27.0	
32	Lê Thị Phụng	16/7/1989	8.0	6.25	14.25	28.0	
33	Hồ Phương Thảo	30/8/1992	7.0	6.50	13.50	28.5	
34	Lê Thị Thảo	28/10/1992	8.0	6.75	14.75	32.5	
35	Nguyễn Thị Phương Thảo	26/11/1998	7.0	7.25	14.25	28.0	
36	Đỗ Thị Thu	18/7/1987	7.5	7.00	14.50	28.5	
37	Trần Ngọc Thủy	11/10/1987	8.0	5.00	13.00	29.5	
38	Cam Mỹ Trang	12/8/1991	8.0	8.25	16.25	29.5	
39	Lê Thị Thu Trang	23/11/2001	8.0	7.50	15.50		Miễn TA
40	Nguyễn Huyền Trang	25/10/1997	8.0	8.00	16.00	35.0	
41	Trần Thị Thu Trang	20/6/1986	8.0	8.25	16.25	28.5	
42	Lê Thị Tuấn	09/12/1993	7.5	7.00	14.50	30.0	



94

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Kết quả thi môn		Điểm tổng hợp 2 môn (đã gồm điểm ưu tiên)	Môn Tiếng Anh (đã gồm điểm ưu tiên)	Ghi chú
			Giáo dục học	Khoa học quản lý			
43	Nguyễn Xuân Tùng	04/7/1992	7.5	7.00	14.50		Miễn TA
44	Nguyễn Hải Yến	26/6/1997	7.0	7.50	14.50		Miễn TA
45	Nguyễn Thị Yến	25/10/1992	8.0	7.25	15.25	25.5	

Ấn định danh sách: 45 người

9/

